

Bản án số: 223/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 1245- 1000, Đường Z, Ngõ S, Quận X, thành phố Đ, Lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc).

Chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, văn bản ủy quyền ngày 18/5/2023)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 11/05/2023

nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn ngày 19/01/2015 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị về sống cùng gia đình chồng tại thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Năm 2022 chị và anh T cùng đi lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên, khi sang lao động ở Đài Loan thì mỗi người làm và sinh sống ở một nơi. Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì vợ chồng chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng. Do chị và anh T hiện đều đang làm việc tại Đài Loan, bản thân chị hiện chỉ về Việt Nam nghỉ phép từ ngày 7/5/2023 đến ngày 21/5/2023. Hiện cả 02 cháu đang chung sống cùng với ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972 và bà Lê Thị H, sinh năm 1973, đều trú tại thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là ông bà nội) nên chị đề nghị Tòa án tạm giao 02 cháu cho ông M, bà H nuôi dưỡng trong thời gian chị đang lao động ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H trình bày: Do đến ngày 21/5/2023 chị lại tiếp tục sang Đài Loan lao động, nên chị đề nghị xét xử vắng mặt và không mở phiên hòa giải, chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tô dân phố H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang thay mặt chị nộp tạm ứng án phí và giao, nhận các văn bản tố tụng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T, hiện đang cư trú lao động ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn Mạnh là bố đẻ anh T để ông Mạnh thông báo và giao các văn bản tố tụng cho anh T. Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T, nhưng anh T không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về việc chị H có đơn xin ly hôn anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Mạnh, trình bày:

Ông là bố đẻ anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H là con dâu ông. Hiện nay, cả chị H và anh T đều đang lao động và cư trú và lao động ở nước ngoài. Ông cũng đã hỏi địa chỉ của anh T ở nước ngoài, nhưng anh T không cung cấp cho ông, ông cũng đã thông báo cho anh T biết về việc chị H có đơn xin ly hôn anh T. Về con chung, anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015. Vợ chồng anh T chị H đi lao động ở nước ngoài ông hiện nay đang nuôi dưỡng 02 cháu, ông đồng ý nuôi 02 cháu trong thời gian

anh T, chị H lao động ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi 02 cháu ông không yêu cầu chị H và anh T phải cấp dưỡng. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Cháu Nguyễn Trang L trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông M có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật xét xử vắng mặt chị H, anh T, ông M.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 104 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015 cho chị H nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cháu H và cháu L cho ông Nguyễn Văn M nuôi dưỡng trong thời gian chị H cư trú ở nước ngoài.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Theo Công văn số 14128/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 07/6/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an cung cấp,

thị chị H nhập cảnh ngày 07/05/2023, xuất cảnh ngày 21/5/2023. Anh Nguyễn Văn T xuất cảnh ngày 29/8/2022 hiện cả chị H và anh T chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H và anh T ở Việt Nam là: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Do vụ án có nguyên đơn và bị đơn đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M vắng mặt và đều xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T, ông M.

[3] Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 19/01/2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị H khởi kiện xin ly hôn anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh T kết hôn năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian. Đến năm 2022 cả chị H và anh T đều làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Khi sang lao động ở nước ngoài thì mỗi người làm và sinh sống ở một nơi. Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì vợ chồng chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Tòa án đã tiến hành làm việc với ông M là bố đẻ anh T để thông báo lại nội dung về việc chị H có đơn xin ly hôn, nhưng anh T không có ý kiến gì. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015. Chị đề nghị giao hai con chung cho chị nuôi. Hiện nay, cháu H cháu L đều đang ở với ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị H là ông, bà nội của các cháu. Do chị và anh T đều ở nước ngoài nên chị đề nghị giao hai con chung cho ông M, bà H nuôi dưỡng trong thời gian chị và anh T ở nước ngoài. Cháu L trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, ông Nguyễn Văn M đồng ý nuôi hai cháu trong thời gian chị H, anh T ở nước ngoài. Bà H hiện nay không có ở nhà.

Xét yêu cầu nuôi hai con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cả chị H và anh T đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con, chị H có nguyện

vọng được nuôi hai con. Căn cứ nguyện vọng và trình bày của chị H, ông M và cháu L. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao hai con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015 cho chị H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Nhưng tạm giao cháu H và cháu L cho ông Nguyễn Văn M nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H trình bày chị không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H trình bày chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 104; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Minh H và cháu Nguyễn Trang L cho ông Nguyễn Văn M nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005368 ngày 19/05/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Ông Nguyễn Văn M đang cư trú ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Bảo Đài, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TAND Tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Đức Kha

Hoàng Thị Thu Hiền

- Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
 - Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
 - UBND xã Bảo Đài, huyện L;
 - Cổng thông tin điện tử TAND Tối cao;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Văn Chiến

Hoàng Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Mỹ Hà, Lạng Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND Tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Xuân Chuyển Hoàng Thị Thu Hiền

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 223/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

4. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 1245- 1000, Đường Zhonghua, Ngõ Shilei, Quận Xinwu, thành phố Đào Viên, Lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc).

Chị Nguyễn Thị H ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Trang, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ dân phố Hai Mươi, thị trấn Đồi Ngô, huyện L, tỉnh Bắc Giang (ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, văn bản ủy quyền ngày 18/5/2023)

5. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang (hiện đang ở nước ngoài, không có địa chỉ).

6. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 11/05/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn ngày 19/01/2015 tại UBND xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị về sống cùng gia đình chồng tại thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Năm 2022 chị và anh T cùng đi lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên, khi sang lao động ở Đài Loan thì mỗi người làm và sinh sống ở một nơi. Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì vợ chồng chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung

trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng. Do chị và anh T hiện đều đang làm việc tại Đài Loan, bản thân chị hiện chỉ về Việt Nam nghỉ phép từ ngày 7/5/2023 đến ngày 21/5/2023. Hiện cả 02 cháu đang chung sống cùng với ông Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Hoa, sinh năm 1973, đều trú tại thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là ông bà nội) nên chị đề nghị Tòa án tạm giao 02 cháu cho ông Mạnh, bà Hoa nuôi dưỡng trong thời gian chị đang lao động ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con chung, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H trình bày: Do đến ngày 21/5/2023 chị lại tiếp tục sang Đài Loan lao động, nên chị đề nghị xét xử vắng mặt và không mở phiên hòa giải, chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Trang, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ dân phố Hai Mươi, thị trấn Đồi Ngô, huyện L, tỉnh Bắc Giang thay mặt chị nộp tạm ứng án phí và giao, nhận các văn bản tố tụng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T, hiện đang cư trú lao động ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn Mạnh là bố đẻ anh T để ông Mạnh thông báo và giao các văn bản tố tụng cho anh T. Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh T, nhưng anh T không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về việc chị H có đơn xin ly hôn anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Mạnh, trình bày:

Ông là bố đẻ anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H là con dâu ông. Hiện nay, cả chị H và anh T đều đang lao động và cư trú và lao động ở nước ngoài. Ông cũng đã hỏi địa chỉ của anh T ở nước ngoài, nhưng anh T không cung cấp cho ông, ông cũng đã thông báo cho anh T biết về việc chị H có đơn xin ly hôn anh T. Về con chung, anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015. Vợ chồng anh T chị H đi lao động ở nước ngoài ông hiện nay đang nuôi dưỡng 02 cháu, ông đồng ý nuôi 02 cháu trong thời gian anh T, chị H lao động ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi 02 cháu ông không yêu cầu chị H và anh T phải cấp dưỡng. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Cháu Nguyễn Trang L trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Mạnh vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Mạnh có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật xét xử vắng mặt chị H, anh T, ông Mạnh.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 104 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015 cho chị H nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cháu H và cháu L cho ông Nguyễn Văn Mạnh nuôi dưỡng trong thời gian chị H cư trú ở nước ngoài.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Theo Công văn số 14128/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 07/6/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an cung cấp, thì chị H nhập cảnh ngày 07/05/2023, xuất cảnh ngày 21/5/2023. Anh Nguyễn Văn T xuất cảnh ngày 29/8/2022 hiện cả chị H và anh T chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H và anh T ở Việt Nam là: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Do vụ án có nguyên đơn và bị đơn đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Mạnh vắng mặt và đều xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng

mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh T, ông Mạnh.

[3] Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 19/01/2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Đài, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị H khởi kiện xin ly hôn anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh T kết hôn năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian. Đến năm 2022 cả chị H và anh T đều làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Khi sang lao động ở nước ngoài thì mỗi người làm và sinh sống ở một nơi. Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì vợ chồng chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Mạnh là bố đẻ anh T để thông báo lại nội dung về việc chị H có đơn xin ly hôn, nhưng anh T không có ý kiến gì. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T

[4] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015. Chị đề nghị giao hai con chung cho chị nuôi. Hiện nay, cháu H cháu L đều đang ở với ông Nguyễn Văn Mạnh, bà Lê Thị Hoa là ông, bà nội của các cháu. Do chị và anh T đều ở nước ngoài nên chị đề nghị giao hai con chung cho ông Mạnh, bà Hoa nuôi dưỡng trong thời gian chị và anh T ở nước ngoài. Cháu L trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, ông Nguyễn Văn Mạnh đồng ý nuôi hai cháu trong thời gian chị H, anh T ở nước ngoài. Bà Hoa hiện nay không có ở nhà.

Xét yêu cầu nuôi hai con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cả chị H và anh T đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con, chị H có nguyện vọng được nuôi hai con. Căn cứ nguyện vọng và trình bày của chị H, ông Mạnh và cháu L. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao hai con chung Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015 cho chị H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Nhưng tạm giao cháu H và cháu L cho ông Nguyễn Văn Mạnh nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H trình bày chị không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị H trình bày chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 104; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/03/2020 và cháu Nguyễn Trang L, sinh ngày 15/09/2015 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Nguyễn Minh H và cháu Nguyễn Trang L cho ông Nguyễn Văn Mạnh nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn, anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005368 ngày 19/05/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Ông Nguyễn Văn Mạnh đang cư trú ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND Tối cao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

